ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 5 năm 2024

BẢN TIN TUẦN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

(Từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/4/2024)

1. Bản đồ vị trí các điểm quan trắc không khí

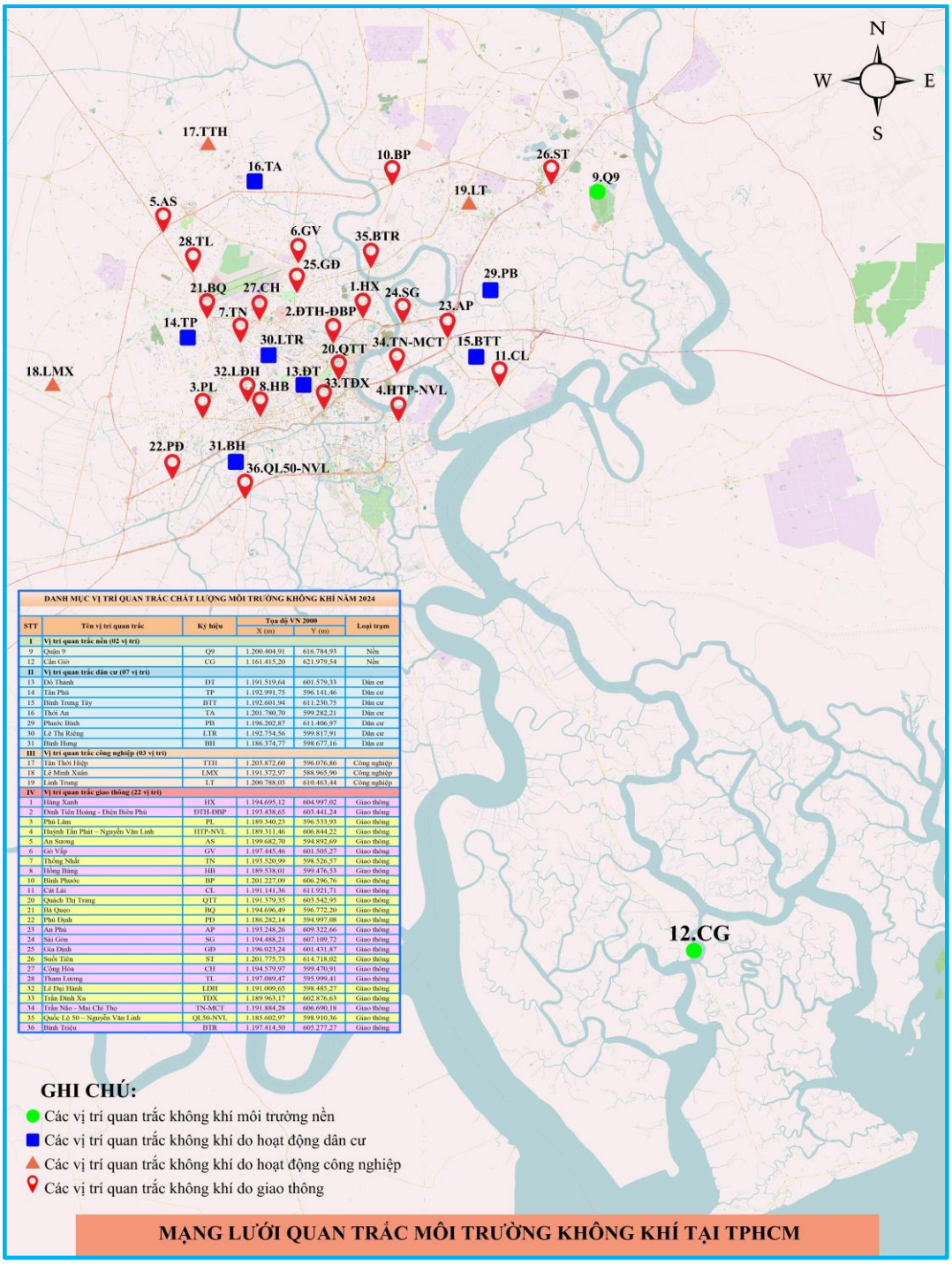

DANH MỤC VỊ TRÍ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ NĂM 2024

STT	Tên vị trí quan trắc	Ký hiệu	Tọa độ VN 2000		Loại trạm
			X (m)	Y (m)	
I	**Vị trí quan trắc nền (02 vị trí)**				
9	Quận 9	Q9	1.200.404,91	616.784,93	Nền
12	Cần Giờ	CG	1.161.415,20	621.979,54	Nền
II	**Vị trí quan trắc dân cư (07 vị trí)**				
13	Đô Thành	ĐT	1.191.519,64	601.579,33	Dân cư
14	Tân Phú	TP	1.192.991,75	596.141,46	Dân cư
15	Bình Trưng Tây	BTT	1.192.601,94	611.230,75	Dân cư
16	Thới An	TA	1.201.780,70	599.282,21	Dân cư
29	Phước Bình	PB	1.196.202,87	611.406,97	Dân cư
30	Lê Thị Riêng	LTR	1.192.754,56	599.817,91	Dân cư
31	Bình Hưng	BH	1.186.374,77	598.677,16	Dân cư
III	**Vị trí quan trắc công nghiệp (03 vị trí)**				
17	Tân Thới Hiệp	TTH	1.203.872,60	596.076,86	Công nghiệp
18	Lê Minh Xuân	LMX	1.191.372,97	588.965,90	Công nghiệp
19	Linh Trung	LT	1.200.788,03	610.463,44	Công nghiệp
IV	**Vị trí quan trắc giao thông (22 vị trí)**				
1	Hàng Xanh	HX	1.194.695,12	604.997,02	Giao thông
2	Đinh Tiên Hoàng - Điện Biên Phủ	ĐTH-DBP	1.193.436,65	603.441,24	Giao thông
3	Phú Lâm	PL	1.189.340,23	596.533,93	Giao thông
4	Huỳnh Tấn Phát – Nguyễn Văn Linh	HTP-NVL	1.189.311,46	606.844,22	Giao thông
5	An Sương	AS	1.199.682,70	594.892,69	Giao thông
6	Gò Vấp	GV	1.197.445,46	601.505,27	Giao thông
7	Thống Nhất	TN	1.193.520,99	598.526,57	Giao thông
8	Hòng Bàng	HB	1.189.538,01	599.476,53	Giao thông
10	Bình Phước	BP	1.201.227,09	606.296,76	Giao thông
11	Cát Lái	CL	1.191.141,36	611.921,71	Giao thông
20	Quách Thị Trang	QTT	1.191.379,35	603.542,95	Giao thông
21	Bà Quẹo	BQ	1.194.696,49	596.772,20	Giao thông
22	Phú Định	PĐ	1.186.282,14	594.997,08	Giao thông
23	An Phú	AP	1.193.248,26	609.322,66	Giao thông
24	Sài Gòn	SG	1.194.488,21	607.109,72	Giao thông
25	Gia Định	GĐ	1.196.023,24	601.431,87	Giao thông
26	Suối Tiên	ST	1.201.775,73	614.718,02	Giao thông
27	Cộng Hòa	CH	1.194.579,97	599.470,91	Giao thông
28	Tham Lương	TL	1.197.089,47	595.999,41	Giao thông
32	Lê Đại Hành	LĐH	1.191.009,65	598.485,27	Giao thông
33	Trần Đình Xu	TĐX	1.189.963,17	602.876,63	Giao thông
34	Trần Não - Mai Chí Thọ	TN-MCT	1.191.884,28	606.690,18	Giao thông
35	Quốc Lộ 50 – Nguyễn Văn Linh	QL50-NVL	1.185.602,97	598.910,36	Giao thông
36	Bình Triệu	BTR	1.197.414,50	605.277,27	Giao thông

2. Thông số quan trắc

8 thông số bao gồm CO, NO_2, SO_2, PM_{10}, $PM_{2.5}$, TSP, Benzen, Tiếng ồn.

3. Tần suất quan trắc

- Bụi mịn (PM_{10} và $PM_{2.5}$): hàng ngày;
- Các thông số còn lại (CO, NO_2, SO_2, TSP, Benzen, Tiếng ồn): 3 lần/ngày.

4. Quy chuẩn so sánh

- QCVN 05:2023/BTNMT đối với các thông số CO, NO_2, SO_2, PM_{10}, $PM_{2.5}$, TSP, Benzen;
- QCVN 26:2010/BTNMT đối với thông số Tiếng ồn.

5. Đơn vị tính

- Các thông số; CO, NO_2, SO_2, PM_{10}, $PM_{2.5}$, TSP, Benzen: đơn vị tính µg/Nm^3; trong đó mét khối khí chuẩn (Nm^3) là mét khối khí chuẩn ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân);
- Tiếng ồn: đơn vị tính dBA.

6. Số mẫu quan trắc

Thông số quan trắc	TSP	PM_{10}	$PM_{2.5}$	Tiếng ồn	CO	NO_2	SO_2	Benzen
Số mẫu quan trắc (mẫu)	252	24	24	252	252	252	252	252

7. Kết quả

7.1. Nhóm các thông số cơ bản (CO, NO_2, SO_2, TSP, Benzen, Tiếng ồn)

- TSP: dao động từ 70 – 860 µg/Nm^3 (QCVN 300 µg/Nm^3);
- Tiếng ồn: dao động từ 69,0 – 83,5 dBA (QCVN 26:2010/BTNMT: 70 dBA);
- CO: dao động từ 1.500 – 20.300 µg/Nm^3 (QCVN 30.000 µg/Nm^3);
- NO_2: dao động từ 20 – 160 µg/Nm^3 (QCVN 200 µg/Nm^3);
- SO_2: dao động từ KPH – 33 µg/Nm^3 (QCVN 350 µg/Nm^3);
- Benzen: dao động từ KPH – 21 µg/Nm^3 (QCVN 22 µg/Nm^3).

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/4/2024 cho thấy các thông số quan trắc đạt Quy chuẩn Việt Nam gồm: CO, NO_2, SO_2 và benzen. Các thông số quan trắc không đạt Quy chuẩn Việt Nam gồm: TSP có 12,7% số liệu vượt Quy chuẩn Việt Nam (QCVN 05:2023 cho phép giới hạn tối đa trung bình 1 giờ: 300 µg/Nm^3), tiếng ồn có 98,41% số liệu vượt Quy chuẩn Việt Nam (QCVN 26:2010/BTNMT cho phép giới hạn tối đa về tiếng ồn khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ: 70dBA), nguyên nhân do ảnh hưởng của hoạt động giao thông.

7.2. Nhóm bụi mịn: (PM_{10}, $PM_{2.5}$)

- PM_{10}: dao động từ 36 – 90 µg/Nm^3 (QCVN 100 µg/Nm^3);
- $PM_{2.5}$: dao động từ 18 – 40 µg/Nm^3 (QCVN 50 µg/Nm^3).

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí từ ngày 22/4/2024 đến ngày 28/4/2024 cho thấy các thông số quan trắc nhóm bụi mịn đều đạt Quy chuẩn Việt Nam./.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG